

Bản án số: **04/2020/HS-ST**
Ngày: 04-3-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Trọng Hân**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Quyền**

Ông **Đoàn Văn Tâm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trương Thị Quý** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông **Bùi Văn Khanh** – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 54/TLST-HS ngày 23 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Lâm Thị M (tên gọi khác: M) sinh năm: 1978 tại Hậu Giang. Nơi cư trú: Số 7, Nguyễn Thiện T, khu phố 3, phường S, thành phố R, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Không, trình độ văn hóa: 5/12, dân tộc: Hoa; giới tính: Nữ, tôn giáo: Không, quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm V và bà Nguyễn U; chồng: Trần Văn S và 03 người con lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/8/2018 đến ngày 25/12/2018. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo:

Luật sư **Phạm Anh V** – Văn phòng luật sư Phạm Anh V - Thuộc đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang (có mặt)

- Bị hại:

1. Bà **Trương Kim T1**, sinh năm: 1983 (có mặt)

Nơi cư trú: Số 2, đường C, phường V1, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

2. Bà **Lê Hồng T2**, sinh năm: 1968 (có mặt)

Nơi cư trú: 134/2 Chu Văn An, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

3. Bà **Trần Thị Thu S1**, sinh năm: 1976 (có mặt)

Nơi cư trú: 466/1/7 T, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

4. Bà **Nguyễn Bằng T3**, sinh năm: 1986 (có mặt)

Nơi cư trú: 182 N, phường S, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

5. Bà **Trương Thị Y**, sinh năm: 1973 (có mặt)

Nơi cư trú: 544/11 Q, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

6. Bà **Đặng Thị T4**, sinh năm: 1966 (có mặt)

Nơi cư trú: Số D4-12 T, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

7. Bà **Huỳnh Thị Mỹ D**, sinh năm: 1989 (có mặt)

Nơi cư trú: Số 31B, đường C, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

8. Bà **Phạm Thị C**, sinh năm: 1970 (có mặt)

Nơi cư trú: Số 189, đường C, phường V1, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

9. Bà **Nguyễn Phương T3**, sinh năm: 1970 (có mặt)

Nơi cư trú: Số 396, đường N, phường S, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

10. Bà **Trương Thị M1**, sinh năm: 1969 (có mặt)

Nơi cư trú: Số 380, đường C, phường V1, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

11. Bà **Ngô Thị L1**, sinh năm: 1964 (có mặt)

Nơi cư trú: Số 434/3A, K, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

12. Ông **Cao Thanh T5**, sinh năm: 1977 (có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Số 458A K, kp 5, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

13. Bà **Đặng Thị L3**, sinh năm: 1969 (có mặt)

Nơi cư trú: Số 487/28/81, đường T, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

14. Ông **Nguyễn Trần L2**, sinh năm: 1976 (có mặt)

Nơi cư trú: Số 82, C, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

15. Ông **Nguyễn Ngọc A**, sinh năm: 1968 (có mặt)

Nơi cư trú: Số 620F, đường Q, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2015, Lâm Thị M đứng ra tổ chức nhiều dây hội và có mở sổ hội để theo dõi, dây hội nào kết thúc M lập ra dây hội mới. Đến năm 2017 M tiếp tục mở các dây hội tuần 2.000.000 đồng, hội nửa tháng 3.000.000 đồng, hội tháng 3.000.000 đồng và hội tháng 5.000.000 đồng cho các người hội viên tham gia. Trong đó có Lâm Thị Đào (chị ruột M, Việt kiều Úc) tham gia chơi từ 06 đến 08 phần hội ghi tên Đào, Hằng, Trinh, chế Bi đã hốt nhưng không đóng tiền hội chết

cho M. M không có tiền để trả cho số hội viên khác nên M nảy sinh ý định lấy tên của hội viên mà M biết rõ những người hội viên này thường hốt hội sau cùng. M còn bán hội không có thật cho một số hội viên khác để chiếm đoạt tiền của các hội viên, cụ thể như sau:

1. Dây thứ nhất: Hội tuần 2.000.000 đồng, áp ngày 02/6/2017 âm lịch (nhằm ngày 25/6/2017 dương lịch), có 38 phần, xổ được 26 lần, Lâm Thị M lấy tên các hội viên hốt 05 lần như:

1. Ngày 27/7/2017 âm lịch, M lấy tên hội viên Nguyễn Thị T3 (T2 T3), xổ lần thứ 13 bỏ thăm 750.000 đồng (hội sống đóng 1.250.000đ) để hốt hội chiếm đoạt tiền của các hội viên như:

1.1 Trương Kim T1 (em T1) tham gia 03 phần số tiền 3.750.000 đồng.

1.2 L2 Hồng T2 (số Chia) tham gia 01 phần đóng được số tiền 1.250.000 đồng.

1.3 Trần Thị Thu S1 (chị S1) tham gia 02 phần đóng được số tiền 2.500.000 đồng.

1.4 Nguyễn Bằng T3 (em Bằng) tham gia 02 phần đóng được số tiền 2.500.000 đồng.

1.5 Trương Thị Y (chị Y) tham gia 02 phần đóng được số tiền 2.500.000 đồng.

1.6 Đặng Thị T4 (cô Hoài) tham gia 02 phần đóng được số tiền 2.500.000 đồng.

1.7 Huỳnh Thị Mỹ D (em Y) tham gia 02 phần đóng được số tiền 2.500.000 đồng.

1.8 Phạm Thị C (chị C) tham gia 01 phần đóng được số tiền 1.250.000 đồng.

1.9 Nguyễn Phương T3 (T2 T3) tham gia 01 phần đóng được số tiền số tiền 1.250.000 đồng.

2. Ngày 12/8/2017 âm lịch, M lấy tên Huỳnh Thị Mỹ D (em Y), bỏ thăm 650.000 đồng xổ lần thứ 15 để hốt hội (hội sống đóng 1.350.000 đồng). M lừa đảo chiếm đoạt của các hội số tiền viên như:

2.1 Trương Kim T1 (em T1) tham gia 03 phần đóng số tiền 4.050.000 đồng.

2.2 L2 Hồng T2 (số Chia) tham gia 01 phần đóng được số tiền 1.350.000 đồng.

2.3 Trần Thị Thu S1 (chị S1) tham gia 02 phần đóng được số tiền 2.700.000 đồng.

2.4 Nguyễn Bằng T3 (em Bằng) tham gia 02 phần đóng được số tiền 2.700.000 đồng.

2.5 Trương Thị Y (chị Y) tham gia 02 phần đóng được số tiền 2.700.000 đồng.

2.6 Đặng Thị T4 (cô Hoài) tham gia 02 phần đóng được số tiền 2.700.000 đồng.

2.7 Huỳnh Thị Mỹ D (em Y) tham gia 02 phần đóng được số tiền 2.700.000 đồng.

2.8 Phạm Thị C (chị C) tham gia 01 phần đóng được số tiền 1.350.000 đồng.

2.9 Nguyễn Phương T3 (T2 T3) tham gia 01 phần đóng được số tiền 1.350.000 đồng.

3. Ngày 10/9/2017 âm lịch, M lấy tên Huỳnh Thị Mỹ D (em Y), bỏ thăm 850.000 đồng xổ thứ 19 để hốt hui (hui sống đóng 1.150.000 đồng). M lừa đảo chiếm đoạt của các hui viên như:

3.1 Trương Kim T1 (em T1) tham gia 03 phần đóng số tiền 3.450.000 đồng.

3.2 L2 Hồng T2 (số Chia) tham gia 01 phần đóng được số tiền 1.150.000 đồng.

3.3 Trần Thị Thu S1 (chị S1) tham gia 02 phần đóng được 2.300.000 đồng.

3.4 Nguyễn Bằng T3 (em Bằng) tham gia 02 phần đóng được số tiền 57.200.000 đồng. M chiếm đoạt số tiền 2.300.000 đồng.

3.5 Trương Thị Y (chị Y) tham gia 02 phần đóng được 2.300.000 đồng.

3.6. Đặng Thị T4 (cô Hoài) tham gia 02 phần đóng được số tiền 2.300.000 đồng.

3.7 Huỳnh Thị Mỹ D (em Y) tham gia 02 phần đóng được số tiền 2.300.000 đồng.

3.8 Phạm Thị C (chị C) tham gia 01 phần đóng được số tiền 1.150.000 đồng.

3.9 Nguyễn Phương T3 (T2 T3) tham gia 01 phần đóng được số tiền 1.150.000 đồng.

4. Ngày 24/9/2017 âm lịch, M lấy tên Trương Thị Y (chị Y), bỏ thăm 1.000.000 đồng xổ lần thứ 21 (hui sống đóng 1.000.000 đồng) để hốt hui. M lừa đảo chiếm đoạt của các hui viên như:

4.1 Trương Kim T1 (em T1) tham gia 03 phần đóng được số tiền 3.000.000 đồng.

4.2 L2 Hồng T2 (số Chia) tham gia 01 phần đóng được số tiền 1.000.000 đồng.

4.3 Trần Thị Thu S1 (chị S1) tham gia 02 phần đóng được 2.000.000 đồng.

4.4 Nguyễn Bằng T3 (em Bằng) tham gia 02 phần đóng được số tiền 2.000.000 đồng.

4.5 Trương Thị Y (chị Y) tham gia 02 phần đóng được số tiền 2.000.000 đồng.

4.6 Đặng Thị T4 (cô Hoài) tham gia 02 phần đóng được số tiền 2.000.000 đồng.

4.7 Huỳnh Thị Mỹ D (em Y) tham gia 02 phần đóng được số tiền 2.000.000 đồng.

4.8 Phạm Thị C (chị C) tham gia 01 phần đóng được số tiền 1.000.000 đồng.

4.9 Nguyễn Phương T3 (T2 T3) tham gia 01 phần đóng được số tiền 1.000.000 đồng.

5. Ngày 24/9/2017 âm lịch, M lấy tên Phạm Thị C (chị C), bỏ thăm 1.200.000 đồng xổ lần thứ 22 để hốt hui (hui sống đóng 800.000 đồng). M lừa đảo chiếm đoạt của các hui viên như:

5.1 Trương Kim T1 (em T1) tham gia 03 phần đóng số tiền 2.400.000 đồng.

5.2 L2 Hồng T2 (số Chia) tham gia 01 phần đóng được số tiền 800.000 đồng.

5.3 Trần Thị Thu S1 (chị S1) tham gia 02 phần đóng được số tiền 1.600.000 đồng.

5.4 Nguyễn Bằng T3 (em Bằng) tham gia 02 phần đóng được số tiền 1.600.000 đồng.

5.5 Trương Thị Y (chị Y) tham gia 02 phần đóng được số tiền 1.600.000 đồng.

5.6 Đặng Thị T4 (cô Hoài) tham gia 02 phần đóng được số tiền 1.600.000 đồng.

5.7 Huỳnh Thị Mỹ D (em Y) tham gia 02 phần đóng được số tiền 1.600.000 đồng.

5.8 Phạm Thị C (chị C) tham gia 01 phần đóng được số tiền 800.000 đồng.

5.9 Nguyễn Phương T3 (T2 T3) tham gia 01 phần đóng được số tiền 800.000 đồng.

Ngày 10/9/2017 âm lịch M còn bán cho chị Trương Thị Y 01 phần hui khổng không có thật số tiền 58.000.000 đồng.

(Các bút lục số: 149, 150, 155, 156, 161, 162, 169, 170, 181, 182, 189, 190, 193, 194, 203, 204, 321 đến 324).

Lâm Thị M lừa đảo lấy tên của 05 người hui viên hốt số tiền 88.800.000 đồng và bán 01 phần hui khổng số tiền 58.000.000 đồng, tổng cộng 146.800.000 đồng.

2. Dây hui thứ hai: Hui tháng 3.000.000 đồng, áp ngày 15/10/2016 âm lịch (nhằm ngày 14/11/2016 dương lịch), gồm có 20 phần xổ được 14 lần, đến lần thứ 15 thì Lâm Thị M tuyên bố bế hui. M lấy tên của các hui viên khác hốt khổng 03 phần hui không có sự đồng ý của họ như:

1. Ngày 15/11/2016, Lâm Thị M lấy tên Trần Thị Thu T3 (chị Hạnh) hốt không lần thứ 2 xổ hui 1.500.000 đồng (hui sống đóng 1.500.000 đồng). M chiếm đoạt của các hui viên như:

1.1 Trương Thị M1 (chị M cầu Quảng) tham gia 01 phần đóng được số tiền 1.500.000 đồng.

1.2 Trần Thị Thu S1 (chị S1) tham gia 02 phần đóng được số tiền số tiền 3.000.000 đồng.

1.3 Ngô Thị L1 (chị T4) tham gia 01 phần đóng được số tiền 1.500.000 đồng.

1.4 Phạm Thị C (chị C) tham gia 01 phần đóng được số tiền 1.500.000 đồng.

1.5 Cao Thanh T5 (anh T5) tham gia 01 phần đóng được số tiền 1.500.000 đồng.

1.6 Đặng Thị T4 (cô Hoài) tham gia 01 phần đóng số tiền 1.500.000 đồng.

2. Ngày 15/9/2017, Lâm Thị M lấy tên Cao Thanh T5 (anh T5) hốt không lần thứ 13 xổ hui 1.500.000 đồng (hui sống đóng 1.500.000 đồng). M chiếm đoạt của các hui viên như:

2.1 Trương Thị M1 (chị M cầu Quảng) tham gia 01 phần đóng được số tiền 1.500.000 đồng.

2.2 Trần Thị Thu S1 (chị S1) tham gia 02 phần đóng được số tiền 3.000.000 đồng.

2.3 Ngô Thị L1 (chị T4) tham gia 01 phần đóng được số tiền 1.500.000 đồng.

2.4 Phạm Thị C (chị C) tham gia 01 phần đóng được số tiền 1.500.000 đồng.

2.5 Cao Thanh T5 (anh T5) tham gia 01 phần đóng được số tiền 1.500.000 đồng.

2.6 Đặng Thị T4 (cô Hoài) tham gia 01 phần đóng số tiền 1.500.000 đồng.

3. Ngày 15/10/2017, Lâm Thị M lấy tên Đặng Thị T4 (cô Hoài) hốt không lần thứ 14 xổ hui 1.750.000 đồng (hui sống đóng 1.250.000 đồng). M chiếm đoạt của các hui viên như:

3.1 Trương Thị M1 (chị M cầu Quảng) tham gia 01 phần đóng được số tiền 1.250.000 đồng.

3.2 Trần Thị Thu S1 (chị S1) tham gia 02 phần đóng được số tiền 2.500.000 đồng.

3.3 Ngô Thị L1 (chị T4) tham gia 01 phần đóng được số tiền 1.250.000 đồng.

3.4 Phạm Thị C (chị C) tham gia 01 phần đóng được số tiền 1.250.000 đồng.

3.5 Cao Thanh T5 (anh T5) tham gia 01 phần đóng được số tiền 1.250.000 đồng.

3.6 Đặng Thị T4 (cô Hoài) tham gia 01 phần đóng số tiền 1.250.000 đồng.

(Bút lục số: 161, 162, 169, 170, 189, 190, 217, 218, 225, 230, 321, 324).

Lâm Thị M lừa đảo lấy tên của 03 hội viên hốt số tiền 29.750.000 đồng.

3. Dây hội thứ ba: Hội nũa tháng 3.000.000 đồng, áp ngày 20/3/2017 âm lịch (nhằm ngày 16/4/2017 dương lịch), gồm 32 phần xổ được 16 lần. Lâm Thị M lấy tên 02 hội viên hốt không 03 lần như:

1. Ngày 05/5/2017 âm lịch, M lấy tên Nguyễn Ngọc An (anh An) bỏ thăm 1.300.000 đồng (hội sống đóng 1.700.000đ) xổ lần thứ 4 chiếm đoạt số tiền của hội viên như sau:

1.1 Trần Thị Thu S1 (chị S1) tham gia 02 phần đóng số tiền 3.400.000 đồng.

1.2 Đặng Thị T4 (cô Hoài) tham gia 02 phần đóng số tiền số tiền 3.400.000 đồng.

1.3 Ngô Thị L1 (chị T4 M) tham gia 01 phần đóng số tiền 1.700.000 đồng.

1.4 Đặng Thị L3 (chị Lan bạn D) tham gia 01 phần đóng số tiền số tiền 1.700.000 đồng.

1.5 Nguyễn Trần L2 (anh L2 bạn D) tham gia 01 phần đóng số tiền 1.700.000 đồng.

1.6 Nguyễn Ngọc A (anh A) tham gia 01 phần đóng số tiền 1.700.000 đồng.

1.7 Phạm Thị C (chị C) tham gia 02 phần đóng số tiền 3.400.000 đồng.

1.8 Anh Hòa tham gia 02 phần Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kiên Giang chưa mời làm việc được xử lý sau.

1.9 Chị Phụng (em anh Hóa) tham gia 02 phần Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kiên Giang chưa mời làm việc được xử lý sau.

2. Ngày 20/7/2017 âm lịch, M lấy tên Phạm Thị C (chị C) bỏ thăm 1.050.000 đồng (hội sống đóng 1.950.000đ) xổ lần thứ 11 chiếm đoạt của hội viên như:

2.1 Trần Thị Thu S1 (chị S1) tham gia 02 phần đóng số tiền 3.900.000 đồng.

2.2 Đặng Thị T4 (cô Hoài) tham gia 02 phần đóng số tiền 3.900.000 đồng.

2.3 Ngô Thị L1 (chị T4 M) tham gia 01 phần đóng số tiền 1.950.000 đồng.

2.4 Đặng Thị L3 (chị Lan bạn D) tham gia 01 phần đóng số tiền 1.950.000 đồng.

2.5 Nguyễn Trần L2 (anh L2 bạn D) tham gia 01 phần đóng số tiền 1.950.000 đồng.

2.6 Nguyễn Ngọc A (anh A) tham gia 01 phần đóng số tiền 1.950.000 đồng.

2.7 Phạm Thị C (chị C) tham gia 02 phần đóng số tiền 3.900.000 đồng.

2.8 Anh Hòa tham gia 02 phần Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kiên Giang chưa mời làm việc được xử lý sau.

2.9 Chị Phụng (em anh Hóa) tham gia 02 phần Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kiên Giang chưa mời làm việc được xử lý sau.

3. Ngày 05/11/2017 âm lịch, M lấy tên Phạm Thị C (chị C) xỏ lần thứ 19 bỏ thăm 2.550.000 đồng (hụi sống đóng 450.000đ) chiếm đoạt của hụi viên như:

3.1 Trần Thị Thu S1 (chị S1) tham gia 02 phần đóng số tiền 900.000 đồng.

3.2 Đặng Thị T4 (cô Hoài) tham gia 02 phần đóng số tiền 900.000 đồng.

3.3 Ngô Thị L1 (chị T4 M) tham gia 01 phần đóng số tiền 450.000 đồng.

2.4 Đặng Thị L3 (chị Lan bạn D) tham gia 01 phần đóng số tiền 450.000 đồng.

3.5 Nguyễn Trần L2 (anh L2 bạn D) tham gia 01 phần đóng số tiền số tiền 450.000 đồng.

3.6 Nguyễn Ngọc A (anh An) tham gia 01 phần đóng số tiền số tiền 450.000 đồng.

3.7 Phạm Thị C (chị C) tham gia 02 phần đóng số tiền 900.000 đồng.

3.8 Anh Hòa tham gia 02 phần Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kiên Giang chưa mời làm việc được xử lý sau.

3.9 Chị Bùi Thị Ngọc Phụng (em anh Hóa) tham gia 02 phần Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kiên Giang chưa mời làm việc được xử lý sau.

(Bút lục số: 161, 162, 169, 170,189, 190, 207, 208, 211, 212, 217, 218, 221, 222, 321, 324).

Lâm Thị M đã hốt 03 phần hụi chiếm đoạt số tiền 41.000.000 đồng.

Vụ thứ tư: Hụi tháng 5.000.000 đồng, áp ngày 30/6/2017 âm lịch (nhằm ngày 21/8/2017 dương lịch), gồm 22 phần xỏ được 06 lần, có người hốt thật M tuyên bố bẻ hụi. Đây là giao dịch dân sự M còn nợ lại hụi viên như:

- Trần Thị Thu S1 tham gia 01 phần đóng số tiền 14.400.000 đồng.

- Trương Thị Y tham gia 02 phần đóng số tiền 28.800.000 đồng.

- Phạm Thị C tham gia 02 phần đóng số tiền 28.800.000 đồng.

- Đặng Thị L3 tham gia 01 phần đóng số tiền 14.400.000 đồng.

Còn các hụi viên khác đã cản trừ hụi chết với Lâm Thị M xong

Tổng cộng Lâm Thị M đã lừa đảo chiếm đoạt của 15 hụi viên trong 03 đây hụi số tiền 217.550.000 đồng.

Ngoài ra Lâm Thị M còn mượn hụi của các hụi viên để hốt còn nợ lại như:

- Đây hụi tháng 3.000.000đ, áp ngày 09/8/2016 âm lịch. M mượn Trương Kim T1 01 phần hụi số tiền 25.900.000 đồng, L2 Hồng T2 01 phần hụi số tiền 26.550.000 đồng, Phạm Thị C 02 phần hụi số tiền 51.900.000 đồng, Đặng Thị T4 01 phần hụi số tiền 25.900.000 đồng, Trương Thị M 01 phần hụi số tiền 25.900.000 đồng.

- Dãy hụi nửa tháng 3.000.000đ, áp ngày 25/01/2017 âm lịch. M mượn của Phạm Thị C 02 phần hốt số tiền 55.300.000 đồng, Trương Kim T1 01 phần hụi hốt số tiền 34.300.000 đồng.

- Dãy hụi nửa tháng 5.000.000đ, áp ngày 18/8/2017 âm lịch, có 22 phần xỏ được 04 lần thì bể hụi. M thỏa thuận trả cho Trương Thị Y 03 phần hụi số tiền 37.500.000 đồng, Nguyễn Bằng T3 01 phần số tiền 55.000.000 đồng.

*** Vật chứng vụ án:**

- 04 cuốn sổ hụi do bị can Lâm Thị M giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Kiên Giang (Trong hồ sơ vụ án).

* *Tại bản cáo trạng số: 60/CT-VKSTKG –P2 ngày 20/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Lâm Thị M về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự*

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của bị cáo và xác định vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử:

* Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 174, điểm s, n khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lâm Thị M 24 tháng đến 30 tháng tù.**

* Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 589 Bộ luật dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Lâm Thị M bồi thường cho các bị hại số tiền lừa đảo chiếm đoạt và tiền phân dân sự theo Cáo trạng đã nêu. Riêng đối với bị hại Nguyễn Phương T3 bị cáo còn nợ số tiền 36.000.000đ, cần trừ số tiền đã trả 8.000.000đ, còn lại 28.000.000đ (trong đó tiền lừa đảo chiếm đoạt là 5.550.000đ, tiền dân sự là 22.450.000đ); bị hại Trần Thị Thu S1 và bị cáo thỏa thuận thống nhất số tiền bị cáo còn nợ là 188.500.000đ, cần trừ số tiền đã trả là 145.000.000đ (88.000.000đ + 42.000.000đ + 15.000.000đ), còn lại 43.500.000đ (trong đó tiền lừa đảo chiếm đoạt là 27.800.000đ, tiền dân sự là 15.700.000đ). Ngoài ra, cùng ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Lâm Thị M trả số tiền vay cho bị hại Trương Thị M là 150.000.000đ.

* *Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm:* Thống nhất Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo là do chị của bị cáo là Lâm Thị Đào cũng là hụi viên tham gia chơi đã hốt hụi rất nhiều lần sau đó đã bỏ trốn, không đóng hụi chết cho bị cáo làm bị cáo mất khả năng chi trả cho các bị hại. Song cũng cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; trong quá trình điều và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khắc phục hậu quả cho các bị hại; phạm tội trong thời gian mang thai; các bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; hiện bị cáo đang nuôi hai con nhỏ. Luật sư

thống nhất mức án mà Viện kiểm sát đề nghị. Do đó, đề nghị HĐXX chấp nhận quan điểm bào chữa của Luật sư và vị đại diện Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo.

Các bị hại đều thống nhất và yêu cầu bị cáo phải trả lại cho các bị hại số tiền lừa đảo chiếm đoạt và tiền dân sự. Riêng bị hại Nguyễn Phương T3 yêu cầu bị cáo trả số tiền 36.000.000đ, căn trừ số tiền bị cáo đã trả 8.000.000đ, còn lại 28.000.000đ (trong đó tiền lừa đảo chiếm đoạt là 5.550.000đ, tiền dân sự là 22.450.000đ); bị hại Trần Thị Thu S1 và bị cáo thỏa thuận thống nhất số tiền yêu cầu bị cáo trả là 188.500.000đ, căn trừ số tiền bị cáo đã trả là 145.000.000đ (88.000.000đ + 42.000.000đ + 15.000.000đ), còn lại 43.500.000đ (trong đó tiền lừa đảo chiếm đoạt là 27.800.000đ, tiền dân sự là 15.700.000đ). Một số bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo thừa nhận còn nợ và đồng ý trả cho bị hại Trương Thị M số tiền 150.000.000đ ngoài số tiền bị cáo còn nợ bà M như cáo trạng đã truy tố, bị hại M yêu cầu HĐXX ghi nhận.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Kiên Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, các bị hại, Luật sư không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo:

Trong khoảng thời gian từ ngày 25/6/2017 đến ngày 21/8/2017, bị cáo Lâm Thị M làm chủ 04 dây hui gồm: Hui tuần 2.000.000 đồng, hui tháng 3.000.000 đồng, hui nửa tháng 3.000.000 đồng, hui tháng 5.000.000 đồng cho các hui viên trên địa bàn thành phố R, tỉnh Kiên Giang tham gia chơi. M đã dùng thủ đoạn gian dối là lấy tên hui viên khác để hót hui mà không có sự đồng ý của họ và bán hui không có thật để chiếm đoạt tiền của các bị hại. Tổng cộng bị cáo Lâm Thị M đã lừa đảo chiếm đoạt của 15 bị hại với tổng số tiền là 217.550.000 đồng.

Tại phiên tòa, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra,

lời khai các bị hại cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người bị hại một cách trái pháp luật, bằng thủ đoạn gian dối là lấy danh nghĩa hội viên khác hốt hội và bán hội không có thật, qua đó lừa đảo chiếm đoạt tiền của bị hại để tiêu xài cho mục đích cá nhân. Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện thái độ xem thường pháp luật, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại, gây khó khăn cho đời sống của người bị hại và gây mất trật tự trị an chung tại địa phương. Do đó, cần phải tuyên cho bị cáo mức hình phạt nghiêm để răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo đối với nhiều người cho nên áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình và tỏ thái độ ăn năn hối cải; bị cáo là phụ nữ có thai; sau khi có quyết định khởi tố cho đến tại phiên tòa bị cáo đã khắc phục cho các bị hại được 210.700.000 đồng gần hết số tiền bị cáo đã lừa đảo chiếm đoạt 217.550.000 đồng; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; một số bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và thống nhất với mức án Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, n khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để lượng hình cho bị cáo.

[5] Về quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát: Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Về quan điểm bào chữa của Luật sư: Luật sư đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, các bị hại yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền mà bị cáo lừa đảo và tiền dân sự; bị cáo cũng đồng ý bồi thường theo yêu cầu của các bị hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo. Cụ thể như sau:

- Bị hại Trương Kim T1: Bị cáo còn nợ tổng số 146.900.000đ (trong đó: tiền lừa đảo là 16.650.000, tiền dân sự là 130.250.000đ), đã khắc phục được 5.600.000đ, còn nợ lại 141.300.000đ;

- Bị hại L2 Hồng T2: Bị cáo còn nợ tổng số 53.900.000đ (trong đó: tiền lừa đảo 5.550.000đ, tiền dân sự 48.300.000đ), cần trừhui chết 24.000.000đ và khắc phục được 5.000.000đ, còn nợ lại 24.900.000đ;

- Bị hại Trần Thị Thu S1: Tại phiên tòa, bà S1 có ý kiến bị cáo còn nợ bà số tiền 205.000.000đ, bị cáo cho rằng chỉ nợ bà S1 172.000.000đ, do đó giữa bà S1 và bị cáo thỏa thuận thống nhất lấy tổng hai số tiền trên chia đôi {tức $(205.000.000đ + 172.000.000đ) : 2$ } là 188.500.000đ, cần trừ số tiền bị cáo đã khắc phục và trả tiền dân sự được 145.000.000đ (88.000.000đ + 42.000.000đ + 15.000.000đ), còn lại 43.500.000đ (trong đó: tiền lừa đảo là 27.800.000đ, tiền dân sự là 15.700.000đ);

- Bị hại Trương Thị Y: Bị cáo còn nợ tổng số 182.100.000đ (trong đó: tiền lừa đảo là 69.100.000đ, tiền dân sự 113.000.000đ), đã khắc phục được 49.000.000đ, còn nợ lại 133.100.000đ;

- Bị hại Phạm Thị C: Bị cáo còn nợ tổng 243.200.000đ (trong đó: tiền lừa đảo 18.000.000đ, tiền dân sự 225.200.000đ), đã khắc phục được 10.000.000đ, còn nợ lại 233.200.000đ;

- Bị hại Nguyễn Bằng T3: Bị cáo còn nợ tổng số 112.200.000đ (trong đó, tiền lừa đảo 11.100.000đ, tiền dân sự là 101.100.000đ), đã khắc phục và trả tiền dân sự được 15.600.000đ, còn nợ lại 96.600.000đ;

- Bị hại Đặng Thị T4: Bị cáo còn nợ tổng số 90.250.000đ (trong đó, tiền lừa đảo 23.550.000đ, tiền dân sự là 66.700.000đ), đã khắc phục và trả tiền dân sự được 36.000.000đ, còn nợ lại 54.250.000đ;

- Bị hại Huỳnh Thị Mỹ D: Bị cáo còn nợ tổng số 76.100.000đ (trong đó, tiền lừa đảo 11.100.000đ, tiền dân sự là 65.000.000đ), đã khắc phục 5.000.000đ, còn nợ lại 71.100.000đ;

- Bị hại Nguyễn Phương T3: Bị cáo còn nợ tổng số 36.000.000đ (trong đó, tiền lừa đảo 5.550.000đ, tiền dân sự là 22.450.000đ), đã khắc phục và trả tiền dân sự được 8.000.000đ, còn nợ lại 28.000.000đ;

- Bị hại Nguyễn Ngọc A: Bị cáo còn nợ tổng số 27.750.000đ (trong đó, tiền lừa đảo 4.100.000đ, tiền dân sự là 23.650.000đ), đã khắc phục và trả tiền dân sự được 5.000.000đ, còn nợ lại 22.750.000đ;

- Bị hại Đặng Thị L3: Bị cáo còn nợ tổng số 42.150.000đ (trong đó, tiền lừa đảo 4.100.000đ, tiền dân sự là 38.050.000đ), đã khắc phục và trả tiền dân sự được 5.000.000đ, còn nợ lại 37.150.000đ;

- Bị hại Trương Thị M1: Bị cáo còn nợ tổng số 22.200.000đ (trong đó, tiền lừa đảo 4.250.000đ, tiền dân sự là 17.950.000đ), đã khắc phục và trả tiền dân sự được 5.000.000đ, còn nợ lại 17.200.000đ. Ngoài ra, bị cáo thừa nhận còn nợ bị hại M số tiền vay là 150.000.000đ và đồng ý trả cho bà M số tiền này. Như vậy, tổng số tiền bị cáo còn phải trả cho bà M là 167.200.000đ.

- Bị hại Ngô Thị L1: Bị cáo còn nợ tổng số 50.400.000đ (trong đó, tiền lừa đảo 8.350.000đ, tiền dân sự là 42.050.000đ), đã khắc phục và trả tiền dân sự được

15.000.000đ, còn nợ lại 35.400.000đ;

- Bị hại Nguyễn Trần L2: Bị cáo còn nợ tổng số 28.200.000đ (trong đó, tiền lừa đảo 4.100.000đ, tiền dân sự là 24.100.000đ), đã khắc phục 2.000.000đ, còn nợ lại 26.200.000đ;

- Bị hại Cao Thanh T5: Bị cáo còn nợ tổng số 22.200.000đ (trong đó, tiền lừa đảo 4.250.000đ, tiền dân sự là 17.950.000đ), đã khắc phục 3.000.000đ, còn nợ lại 19.200.000đ.

[8] Về vật chứng:

Vật chứng vụ án đã thu giữ là 04 cuốn sổ hui, chứng cứ quan trọng của vụ án nên lưu vào hồ sơ vụ án.

[9] Về án phí:

Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, L1 phí Tòa án:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự có giá ngạch đối với tổng số tiền 1.133.850.000đ chưa bồi thường cho các bị hại bằng 36.000.000đ + 3% của phần giá trị tài sản tranh chấp vượt 800.000.000đ (tức là: 36.000.000đ + {3% x (1.133.850.000đ – 800.000.000đ)} = 46.015.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Lâm Thị M** phạm tội **“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”**.

Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s, n khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Lâm Thị M 30 (ba mươi) tháng tù**. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 28/8/2018 đến ngày 25/12/2018.

* *Về trách nhiệm dân sự:* Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 589 Bộ luật dân sự.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Lâm Thị M bồi thường cho các bị hại cụ thể như sau:

1. Trương Kim T1 số tiền **141.300.000** (Một trăm bốn mươi một triệu ba trăm nghìn) đồng.

2. L2 Hồng T2 số tiền **24.900.000** (Hai mươi bốn triệu chín trăm nghìn) đồng.

3. Trần Thị Thu S1 số tiền **43.500.000** (Bốn mươi ba triệu năm trăm nghìn) đồng.

4. Nguyễn Bằng T3 số tiền **96.600.000** (Chín mươi sáu triệu sáu trăm nghìn) đồng.

5. Trương Thị Y số tiền **133.100.000** (Một trăm ba mươi ba triệu một trăm nghìn) đồng.

6. Đặng Thị T4 số tiền **54.250.000** (Năm mươi bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

7. Huỳnh Thị Mỹ D số tiền **71.100.000** (Bảy mươi một triệu một trăm nghìn) đồng.

8. Phạm Thị C số tiền **233.200.000** (Hai trăm ba mươi ba triệu hai trăm nghìn) đồng.

9. Nguyễn Phương T3 số tiền **28.000.000** (Hai mươi tám triệu) đồng.

10. Trương Thị M1 số tiền **167.200.000** (Một trăm sáu mươi bảy triệu hai trăm nghìn) đồng.

11. Ngô Thị L1 số tiền **35.400.000** (Ba mươi lăm triệu bốn trăm nghìn) đồng.

12. Cao Thanh T5 số tiền **19.200.000** (Mười chín triệu hai trăm nghìn) đồng.

13. Đặng Thị L3 số tiền **37.150.000** (Ba mươi bảy triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng.

14. Nguyễn Trần L2 số tiền **26.200.000** (Hai mươi sáu triệu hai trăm nghìn) đồng.

15. Nguyễn Ngọc A số tiền **22.750.000** (Hai mươi hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Tổng cộng bị cáo Lâm Thị M phải trả cho 15 bị hại số tiền 1.133.850.000 đồng, được khấu trừ số tiền 50.000.000 đồng bị cáo đã nộp theo biên lai thu số 04610 ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

** Về án phí:*

Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, L1 phí Tòa án:

Bị cáo phải chịu **200.000** (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và **46.015.000đ** (Bốn mươi sáu triệu không trăm mười lăm nghìn) đồng án phí dân sự có giá ngạch.

** Về quyền kháng cáo:*

Báo cho bị cáo, các bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- THA tỉnh KG (1);
- Cơ quan điều tra tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);
- Trại tạm giam - CA tỉnh KG (1);
- Bị cáo (1);
- Đương sự (15);
- Luật sư (1);
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu tòa hình sự (5).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Trọng Hân